

**BẢNG TÓM TẮT CÁC VẤN ĐỀ TRAO ĐỔI TẠI CUỘC HỌP KỸ THUẬT
GIỮA NHÓM CÔNG TÁC THUẾ & HẢI QUAN VỚI TỔNG CỤC HẢI QUAN
Ngày 13/3/2018¹**

STT	Nội dung vướng mắc	Trao đổi của VBF	Trả lời của TCHQ	Thống nhất
1.	Một số doanh nghiệp nội địa bán hàng hóa cho nước ngoài thông qua các đại lý nước ngoài (“overseas agent”). Tại thời điểm xuất khẩu sang cho đại lý, chưa có giá bán chính xác nên khai báo hải quan dựa trên giá tạm tính. Quy định hải quan hiện hành cho phép người khai hải quan khai giá chính thức trong khoảng 90 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai, quá thời gian 90 ngày thì phải nộp hồ sơ lên Cục trưởng Cục hải quan để kiểm tra, xem xét và chấp thuận. Xét thấy thời điểm có giá chính thức của hàng hóa xuất khẩu phụ thuộc phần lớn vào tính chất kinh doanh của từng doanh nghiệp, không cố định bởi một khung thời gian nào. Vì vậy trừ các trường hợp hàng hóa xuất khẩu có mức thuế suất trên 0%, việc khai báo giá chính thức phải làm hồ sơ lên Cục trưởng Cục hải quan cho từng trường hợp quá khung thời gian 90 ngày thật sự không cần thiết vì không ảnh hưởng đến số thuế nộp ngân sách nhà nước mà lại tốn nhiều thời gian, chi phí cho người thực hiện. Kính đề nghị TCHQ và Bộ Tài Chính xem xét giảm thiểu thủ tục hành chính trong vấn đề trên	<p>1. Do đặc thù của một số doanh nghiệp không thể xác định được giá cuối cùng trong 90 ngày. Như vậy lại phải nộp hồ sơ lên Cục trưởng Cục Hải quan để kiểm tra, xem xét thì sẽ mất rất nhiều thì giờ. Vậy Hải quan có biện pháp nào để giúp đỡ tháo gỡ khó khăn này DN.</p> <p>2. VBF muốn đề nghị một giải pháp chung để có thể tạo điều kiện cho tất cả các doanh nghiệp. Với bất cập như vậy thì liệu TCHQ có thể xem xét việc sửa đổi Thông tư 39 hay không?</p>	<p>1. Việc khai báo giá chính thức quá thời hạn 90 ngày đã được quy định cụ thể tại thông tư 39/2015/TT-BTC vì vậy thì Doanh nghiệp buộc phải tuân thủ. Nếu có những trường hợp đặc thù thì nên có văn bản đề xuất từng trường hợp cụ thể.</p> <p>2. Hiện nay chưa có kế hoạch sửa đổi TT 39 nên không thể áp dụng chung được.</p>	<p>- Nếu có những trường hợp đặc thù thì Doanh nghiệp nên có văn bản gửi Tổng cục Hải quan để xem xét giải quyết từng trường hợp cụ thể.</p> <p>- VBF có thể ghi lại các trường hợp có bất cập tương tự để phản ánh với Tổng cục Hải quan xem xét khả năng sửa đổi Thông tư 39 và thực hiện việc điều chỉnh vấn đề này cho phù hợp hơn.</p>

¹ Cuộc họp ngày 13/3/2018 làm rõ thêm một số vấn đề của cuộc họp ngày 8/12/2017

STT	Nội dung vướng mắc	Trao đổi của VBF	Trả lời của TCHQ	Tổng nhất
2.	<p>Doanh nghiệp nội địa mua hàng từ DNCX hoặc từ nước ngoài rồi chỉ định DNCX hoặc doanh nghiệp nước ngoài đưa hàng vào kho ngoại quan để chờ bán xuất khẩu, bán cho DNCX khác hoặc bán cho doanh nghiệp trong nội địa. Theo Công văn 620/XNK-CN ngày 11/05/2017 của Bộ Công Thương thì doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không có quyền phân phối mà thực hiện chuyển quyền sở hữu hàng hóa mua nước ngoài trong KNQ là không phù hợp với quy định tại Điều 63, Luật Hải quan. Vậy đề nghị Bộ Tài Chính làm rõ: Doanh nghiệp đã được cấp phép thực hiện quyền kinh doanh xuất nhập khẩu, quyền phân phối có được chuyển quyền sở hữu trong KNQ không? DNCX cung cấp hàng cho doanh nghiệp nội địa, khi đưa hàng vào KNQ có cần mở tờ khai hải quan không?</p>	<p>Vấn đề ở đây là sự vênh nhau giữa Tổng cục Hải quan và Bộ Công thương: trong khi Tổng cục Hải quan có hướng dẫn rất cụ thể việc chuyển quyền sở hữu hàng hóa mua nước ngoài trong KNQ thì công văn 620 của Bộ công thương lại không cho phép.</p> <p>Vậy quan điểm của TCHQ là như thế nào, DN có được chuyển quyền sở hữu không? DNCX khi đưa hàng vào KNQ có cần mở tờ khai hải quan không?</p>	<p>- Cục Giám sát quản lý đã trả lời VBF: Căn cứ quy định tại khoản 2 điều 3 Nghị định 187/2013/NĐ-Cp ngày 20/11/2013 thì đối với thương nhân có vốn đầu tư nước ngoài, công ty và chi nhánh công ty nước ngoài tại Việt Nam khi tiến hành hoạt động thương mại thuộc phạm vi điều chỉnh tại nghị định này, ngoài việc thực hiện các quy định tại nghị định này, còn thực hiện theo các quy định khác của pháp luật có liên quan, các cam kết quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và lộ trình do Bộ Công thương công bố. Vậy, trường hợp doanh nghiệp FDI mua hàng hóa từ DNCX hoặc nước ngoài, gửi vào kho ngoại quan để chờ xuất bán cho các DNCX khác hoặc doanh nghiệp nội địa thì chịu sự điều chỉnh các văn bản quy định có liên quan đến hoạt động đầu tư. Theo đó, căn cứ khoản 1 điều 4 về thực hiện quyền nhập khẩu, khoản 1 điều 5 về thực hiện quyền phân phối tại Thông tư 08/2013/TT-BCT ngày 22/4/2013 của Bộ Công thương và theo hướng dẫn tại công văn số 620/XNK-CN thì Công ty được quyền nhập khẩu và trực tiếp làm thủ tục nhập khẩu gửi hành hóa vào kho ngoại quan nhưng không thực hiện việc chuyển quyền sở</p>	<p>- Vì các văn bản này thuộc phạm vi điều chỉnh của Bộ Công thương nên VBF cần có văn bản gửi Bộ Công thương yêu cầu làm rõ.</p>

STT	Nội dung vướng mắc	Trao đổi của VBF	Trả lời của TCHQ	Tổng nhất
			<p>hữu hàng hóa gửi kho ngoại quan.</p> <p>- Về bản chất, công văn 620 căn cứ vào TT05, được hướng dẫn ở nghị định 23 nhưng nghị định 09 đã thay thế nghị định 23 và cũng chưa có thông tư hướng dẫn nghị định 09. Nghị định 09 và luật quản lý ngoại thương không nói rõ là DN thực hiện nhập hàng lần đầu vào KNQ có phải thực hiện các nghĩa vụ thuế hay không. Vì căn cứ vào một nghị định đã hết hiệu lực nên rất khó để xác định.</p>	
3.	<p>Theo quy định tại Khoản 1a Điều 34 Nghị định 134, hàng hóa nhập khẩu đã nộp thuế nhập khẩu nhưng phải tái xuất ra nước ngoài hoặc vào khu phi thuế quan được hoàn thuế nhập khẩu. Theo đó, chúng tôi hiểu hàng hóa nhập kinh doanh khi xuất khẩu bán sẽ được hoàn thuế nhập khẩu. Một số cơ quan hải quan địa phương hiện đang từ chối hoàn thuế với trường hợp mở tờ khai theo loại hình Xuất kinh doanh, hoặc không cho doanh nghiệp mở tờ khai theo loại hình Tái xuất. Kính đề nghị TCHQ và Bộ Tài Chính xác nhận hoạt động mua bán (thực hiện quyền kinh doanh xuất nhập khẩu) có được hoàn thuế nhập khẩu? Doanh nghiệp phải kê khai theo mã loại hình nào khi bán hàng đã nhập khẩu ra nước ngoài hoặc vào khu phi thuế quan</p>	<p>Vấn đề cần làm rõ ở đây là khi hàng hóa nhập khẩu kinh doanh thì phải khai vào mã B11, sau đó xuất kinh doanh hoặc vào khu phi thuế quan có được hoàn thuế nhập khẩu không?</p>	<p>- Về thủ tục khai theo mã nào thì công văn 2765 đã quy định rõ.</p> <p>- Vấn đề là hàng nhập khẩu để kinh doanh hay trả lại? Khai mã B11 nhưng sau đó để xuất khẩu thì được hoàn còn kinh doanh nội địa thì không được hoàn.</p>	<p>TCHQ (Cục Thuế XNK) sẽ trao đổi thêm về mã loại hình B11 thì loại nào được hoàn và loại nào không được hoàn thuế.</p>
	<p>Gần đây, nhiều doanh nghiệp gặp phải trường hợp những hướng dẫn hoặc kết luận KTSTQ từ cơ quan hải quan ban hành tại hai thời điểm khác nhau có nội dung/ hướng dẫn khác hay trái ngược nhau cho cùng một vấn đề. Cơ quan</p>	<p>Vấn đề mà VBF quan tâm là có thể áp đặt mã mới và áp mức thuế mới nhưng không được hồi tố.</p> <p>Đề nghị TCHQ cho biết là thông báo của</p>	<p>Có một nguyên tắc là thời điểm khai hải quan là mốc để tính tất cả các thời điểm để sau này truy hoàn thuế hoặc tính sai phạm.</p>	<p>Việc áp dụng Thông tư 14 (khoản 4, điều 6) vẫn phải giải quyết theo từng trường hợp cụ thể.</p>

STT	Nội dung vướng mắc	Trao đổi của VBF	Trả lời của TCHQ	Thông nhất
4.	hải quan thường yêu cầu áp dụng hồi tố và truy thu thuế với doanh nghiệp trong các trường hợp này. Chẳng hạn, cơ quan hải quan xác định mã HS cho cùng một mặt hàng ở hai thời kỳ khác nhau, mặc dù hàng hóa và miêu tả tại biểu thuế trong suốt giai đoạn này không hề thay đổi. Hoặc doanh nghiệp bị cho là đã áp sai mã HS và bị ấn định thuế cho một mặt hàng khi KTSTQ, tuy nhiên khi doanh nghiệp xin kết quả phân loại của Cục thuế XNK cho mặt hàng này thì lại được phân loại vào mã HS trước đây doanh nghiệp đã áp dụng. Việc áp dụng hai hướng dẫn về cùng một vấn đề phải được thực hiện như thế nào? Căn cứ để thực hiện hồi tố quy định tại đâu?	Trung tâm phân tích phân loại và kết luận kiểm tra sau thông quan có giá trị pháp lý hay không?	Việc sau một thời gian dài lại xem xét lại và áp mã HS khác là do một số mặt hàng rất khó để xác định đúng mã. Theo quy định của Thông tư 14 (khoản 4 điều 6) thì không áp dụng hồi tố. Nhưng để tránh lạm dụng quy định này, trong từng trường hợp cụ thể phải báo cáo Bộ Tài chính. Với kết luận của kiểm tra sau thông quan, nếu phát hiện ra gian lận thì theo quy định Doanh nghiệp sẽ bị truy thu.	Với kiểm tra sau thông quan, nếu Doanh nghiệp có mức độ tuân thủ cao, chưa bị phát hiện gian lận gì thì Doanh nghiệp có thể yên tâm là không bị hồi tố. DN phải đảm bảo tuân thủ đúng mặt hàng không đổi, mã HS không đổi, công năng hàng hóa không đổi, đã kê khai: đúng về thành phần, tính chất, công năng, công dụng, thành phần lý, hóa, từ cùng một nhà sản xuất, nhập khẩu cùng một người ... thì sẽ áp dụng khoản 4, điều 6 Thông tư 14.
5.	Quy định yêu cầu phải điều chỉnh tờ khai nhập khẩu hàng hóa trong trường hợp phát sinh khoản phải cộng sau nhập khẩu (ví dụ: phí bản quyền, phí hoa hồng) vào trị giá tính thuế hàng nhập khẩu. Vậy phải phân bổ các khoản phải cộng này như thế nào để tính thuế nhập khẩu nộp thêm? Việc điều chỉnh theo từng mặt hàng của từng tờ khai không khả thi cho doanh nghiệp để thực hiện. Có thể thực hiện theo hướng tính và xác định theo thuế suất và trị giá trung bình của các lô hàng đã nhập khẩu trong một kỳ nhất định. Kính đề nghị TCHQ và Bộ Tài Chính có hướng dẫn cụ thể cho cơ chế điều chỉnh kê khai bổ sung và cách phân bổ khoản phải cộng cho trường hợp này.	Việc điều chỉnh theo tờ khai không khả thi. Liệu có thể phân bổ theo số lượng, trọng lượng ...?	Thông tư 39/2015/TT-BTC đã hướng dẫn là tính theo khối lượng, trọng lượng, thể tích ... chứ không chỉ là theo giá trị hóa đơn.	Có thể áp dụng theo hướng dẫn của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh
	Công ty 100% vốn đầu tư nước ngoài, hoạt	Một số mặt hàng do tính chất quá đặc thù	Theo quy định của HQ là tự khai	Nên tổ chức cuộc gặp riêng

STT	Nội dung vướng mắc	Trao đổi của VBF	Trả lời của TCHQ	Thông nhất
6.	<p>động theo quy chế DNCX trong lĩnh vực sản xuất dụng cụ, thiết bị và linh kiện y tế. Do đặc thù NVL nhập khẩu về để sản xuất của Công ty là các mặt hàng rất nhỏ và có số lượng lớn, mỗi tờ khai hải quan/hóa đơn bao gồm nhiều lô có số lượng từ vài nghìn tới vài trăm nghìn đơn vị/lô. Hơn nữa, do tính chất sản phẩm là những mặt hàng đòi hỏi độ chính xác rất cao, gần như tuyệt đối, nên không thể tiến hành kiểm đếm NVL khi nhập khẩu và khi nhập kho hay sản phẩm dở dang trong quá trình sản xuất, tránh làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm. Ngoài ra, trên thực tế một invoice hàng nhập về sẽ không tiến hành sản xuất hết ngay trong tháng mà sản xuất kéo dài 3-4 tháng, thậm chí một đến hai năm. Do đặc thù hàng hóa, khi nhập NVL về, Công ty khai báo theo số lượng trên invoice (có thể theo đơn vị tính là hộp/thùng/trọng lượng: kg) và không tiến hành kiểm đếm lại từng cái/chiếc khi nhập kho. Công ty chỉ có số lượng NVL thực tế đã sử dụng khi hoàn thành sản xuất sản phẩm. Vì vậy, Công ty chỉ có thể theo dõi được (theo từng mã NVL nhập kho) thông qua việc kiểm kê NVL hoặc sau khi kết thúc sản xuất một sản phẩm có sử dụng NVL miễn kiểm kê. Trong trường hợp này khi phát hiện ra chênh lệch, Công ty có thể kê khai lại bằng cách thông báo về số lượng hàng thực nhập dựa trên số nhập – xuất – tồn theo ghi nhận của công ty theo từng kỳ được không vì không thể điều chỉnh từng mục hàng trên từng tờ khai?</p>	<p>không thể xác định được số lượng khi nhập mà có thể là phải vài tháng hoặc vài năm mới xác định được. Vậy có thể thực hiện kê khai lại theo kiểm kê tại từng thời kỳ được không?</p>	<p>báo. Việc khai bổ sung thực hiện theo hướng dẫn của CV7889 mà không thực hiện được thì là trường hợp quá đặc thù.</p> <p>Trường hợp áp dụng dụng sai theo quy định trong hợp đồng thì vẫn cần phải có giám định của các cơ quan chức năng. Việc xin giám định cũng không đơn giản.</p> <p>Quy định hiện nay cho phép khai bổ sung theo năm nhưng trong nội dung bổ sung liên quan đến số liệu thì lại phải dựa vào tờ khai. Nếu có một cơ chế nào đó đảm bảo độ minh bạch, có căn cứ nào đó thật khách quan để làm cơ sở khai bổ sung thay cho tờ khai thì cũng có thể được xem xét.</p>	<p>giữa HQ và DN, giới thiệu rõ chi tiết, quy trình của hàng hóa đặc thù đó để có phương án tháo gỡ.</p> <p>Thay vì tờ khai hải quan, Doanh nghiệp nên có một cơ chế theo dõi và quản lý minh bạch kết nối với cơ quan để đảm bảo căn cứ lúc khai báo bổ sung</p>
	<p>Tương tự đối với NVL dùng để đóng gói như băng dính, pallet gỗ, thùng carton, túi khí chèn hàng...Do đơn đặt hàng và yêu cầu của khách hàng sẽ khác nhau tùy theo từng lần, rất khó để</p>	<p>Quy định là doanh nghiệp tự xây dựng định mức.</p> <p>Nếu không xây dựng được thì dựa trên</p>	<p>Thông tư 08 đang sửa đổi thì có quy định về những trường hợp không tự xây dựng thì ko cần phải xây dựng</p>	

STT	Nội dung vướng mắc	Trao đổi của VBF	Trả lời của TCHQ	Thông nhất
7.	lập định mức cho các NVL đóng gói này và việc lập định mức cũng không thể phản ánh đúng tình trạng sử dụng NVL đóng gói. Hơn nữa, tổng giá trị của các NVL đóng gói này so với giá trị sản phẩm thường là không đáng kể. Vì vậy, doanh nghiệp đề xuất việc theo dõi theo thực tế xuất dùng trên bảng kiểm kê hàng quý mà không cần phải xây dựng và theo dõi theo định mức riêng đối với các NVL đóng gói này. Kính mong TCHQ và Bộ Tài Chính cho xác nhận và hướng dẫn cụ thể.	bảng kê có được không?		
8.	Trong trường hợp giữa hai bên mua bán đã có sẵn Hợp đồng khung thì đơn đặt hàng (“Purchase order” hay “PO”) có được coi là có giá trị pháp lý tương đương với Hợp đồng mua bán cho mục đích làm tờ khai hải quan không? Xét thấy việc trao đổi thỏa thuận dẫn đến xuất PO giữa bên mua và bên bán được phù hợp là một hình thức thể hiện của đề nghị giao kết hợp đồng trong mua bán hàng hóa quốc tế theo quy định hiện hành tại Luật thương mại. Vậy trong trường hợp không có hợp đồng khung, thì PO (không có xác nhận bằng chữ ký) có được coi là Hợp đồng mua bán cho mục đích khai hải quan không?	Vấn đề mà VBF quan tâm là nếu Doanh nghiệp sử dụng PO không có chữ ký thì có hợp lý không?	Căn cứ luật thương mại, luật ngoại thương là phải theo văn bản, lời nói và hành vi cụ thể. Ở VN là áp dụng bằng văn bản (nghị định 187, nghị định 08 có quy định hợp đồng oặc hình thức khác tương tự). Điều 25, nghị định 08 mới nói về đơn hàng nhưng có các điều kiện nhất định.	VBF sẽ hướng dẫn là PO có các thông tin cơ bản và có chữ ký.
9.	Theo hướng dẫn hiện hành của Bộ Tài Chính (tại CV 13959/BTC-TCHQ ngày 04/10/2016), thời hạn nộp bản chính các mẫu Giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (C/O), trừ C/O mẫu VK, là thời điểm đăng ký tờ khai hải quan (đối với tờ khai giấy) và thời điểm nộp hồ sơ hải quan (đối với tờ khai điện tử); cho phép bổ sung trong vòng 30 ngày từ ngày đăng ký tờ khai để được hưởng ưu đãi thuế quan tương ứng trong khi theo quy định tại các Hiệp định thương mại tự do, thời hạn nộp bổ sung C/O có	Doanh nghiệp hỏi là liệu có thể áp dụng 12 tháng theo cam kết quốc tế để nộp C/O được không?	Liên quan đến C/O có cam kết về thời gian nộp thì VN có 2 cam kết với ASEAN+Nhật và VN + Nhật Bản. Theo các cam kết này thì thời điểm nộp C/O là thời điểm làm thủ tục hải quan, làm thủ tục nhập khẩu. Khi ban hành cv của Bộ Tài chính thì đều đã dựa trên cơ sở rà soát các cam kết và đảm bảo là mình	Những cam kết không quy định chi tiết thì sẽ thực hiện theo quy định trong nước. VN đã cân nhắc và tính toán 30 ngày là phù hợp. Nếu DN chứng minh là cam kết quốc tế quy định hơn thì chứng minh các cam kết quốc tế.

STT	Nội dung vướng mắc	Trao đổi của VBF	Trả lời của TCHQ	Tổng nhất
	<p>thê trong vòng 12 tháng kể từ ngày xuất C/O. Vậy hướng dẫn nộp bản chính C/O tại thời điểm điểm đăng ký tờ khai hải quan và thời điểm nộp hồ sơ hải quan là có hợp lý không? Có tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thực hiện hay không?</p>		<p>tuân thủ theo các cam kết quốc tế.</p> <p>Trong AFTA có quy định là 6 tháng và ATIGA là 12 tháng. Vậy TCHQ có thể xem xét kéo dài hơn 30 ngày? Hiện nay chỉ áp dụng VN-Hàn quốc là 12 tháng</p> <p>ATIGA: cần kiểm tra kỹ lại là 6 tháng đó là thời gian kiểm tra chéo lại sau thông quan để xác định tính hợp lệ của C/O thời còn AFTA chỉ quy định là nộp tại thời điểm làm hải quan.</p> <p>ASEAN + Nhật Bản thì quy định là trong thời gian hiệu lực của CO. Thông thường CO phải nộp trong thời gian có hiệu lực.</p> <p>VEKA: liên quan đến thời điểm nộp, ko nộp CO tại thời điểm làm thủ tục hải quan thì có thể khai báo lại yêu cầu nộp CO và được hoàn chỉnh lệch số thuế đã nộp trong thời gian 12 tháng kể từ ngày nhập khẩu.</p>	
10.	<p>Theo quy định, hàng tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập phải làm thủ tục hải quan tại chi cục hải quan cửa khẩu. Tuy nhiên, DNCX phải mở tờ khai tại chi cục hải quan quản lý DNCX. Do đó, DNCX không thể làm thủ tục hải quan loại hình tạm xuất - tái nhập, tạm nhập - tái xuất tại Chi cục hải quan chuyên phát nhanh được mà bắt buộc phải sử dụng phương thức vận chuyển khác để thực hiện thủ tục này trong</p>		<p>Đối với vướng mắc của Công ty về địa điểm làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa tạm nhập- tái xuất, tạm xuất-tái nhập của DNCX, Tổng cục HQ ghi nhận và đã sửa, đổi bổ sung địa điểm làm thủ tục tại các điều 50, 52, 54, 55 Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày</p>	<p>Nghị định 08 sắp ban hành sẽ sửa đổi điều 48 và sắp được ban hành</p>

STT	Nội dung vướng mắc	Trao đổi của VBF	Trả lời của TCHQ	Thông nhất
	khi có những lô hàng rất nhỏ chưa đến 1 kg. Liệu trong những trường hợp này, DNCX có thể mở tờ khai tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập ở chi cục Hải quan thuận tiện được không?		21/01/2015 của Chính phủ.	
11.	DNCX mua hàng hóa từ nội địa làm quà tặng cho cán bộ công nhân viên hoặc khách hàng. Nhà cung cấp xuất hóa đơn GTGT cho DNCX và DNCX thanh toán giá bán bao gồm 10% thuế GTGT. Theo quy định, chúng tôi hiểu trường hợp này DNCX sẽ xuất hóa đơn đầu ra cho giá trị phần hàng hóa mua mô tả trên. Tuy nhiên DNCX không xuất được hóa đơn GTGT. Vậy phải xuất hóa đơn như thế nào? Có phải làm thủ tục hải quan không và làm như thế nào?		<p>- Căn cứ khoản 2 Điều 74 Thông tư số 38/2015/TT-BTC thì hàng hóa DNCX mua từ nội địa hoặc nhập khẩu từ nước ngoài đã nộp đầy đủ các loại thuế và đã thực hiện đầy đủ chính sách quản lý hàng hoá xuất khẩu nhập khẩu theo quy định khi trao đổi, mua bán trong nội địa không phải làm thủ tục hải quan.</p> <p>Như vậy trường hợp doanh nghiệp nội địa đã xuất hóa đơn GTGT với thuế suất thuế GTGT 10% và DNCX đã nộp đủ thuế thì không phải thực hiện thủ tục hải quan.</p> <p>- Việc quản lý về hóa đơn thuộc chức năng của Tổng cục Thuế, đề nghị Công ty liên hệ với Tổng cục Thuế để được hướng dẫn.</p>	Điều 74 Thông tư 38 đã quy định là không phải làm thủ tục rồi.
	Công ty M thực hiện hoạt động gia công xuất khẩu cho đối tác nước ngoài. Sau khi kết thúc hợp đồng gia công và tiến hành thanh lý hợp đồng, còn tồn một số thành phẩm chưa xuất khẩu và sản phẩm dở dang. Bên công ty nước ngoài chỉ định công ty M chuyển số lượng thành phẩm và sản phẩm dở dang dư thừa sang hợp đồng gia công tiếp theo. Theo hiểu biết của chúng tôi, hiện tại chưa có hướng dẫn cụ thể về cách xử lý và thủ tục cho trường hợp chuyển		<p>Căn cứ quy định tại Điều 10 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016; thì:</p> <p>1. Hàng hóa nhập khẩu để gia công, sản phẩm gia công xuất khẩu theo hợp đồng gia công được miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, gồm:</p>	VBF kiến nghị Tổng cục Hải quan có văn bản hướng dẫn cụ thể về thủ tục hải quan đối với chuyển đổi cho thành phẩm từ một hợp đồng gia công sang hợp đồng gia công khác

STT	Nội dung vướng mắc	Trao đổi của VBF	Trả lời của TCHQ	Tổng nhất
12.	<p>thành phẩm hay sản phẩm dở dang sang hợp đồng gia công tiếp theo mà chỉ đề cập đến cách xử lý chuyển NVL sang hợp đồng gia công tiếp theo. Vậy trong trường hợp này, Công ty có thể quy đổi các thành phẩm và sản phẩm dở dang này sang NVL rồi mở tờ khai xuất chuyển giao E54 sang hợp đồng mới hay không?</p>		<p>a) Nguyên liệu, bán thành phẩm, vật tư (bao gồm cả vật tư làm bao bì hoặc bao bì để đóng gói sản phẩm xuất khẩu), linh kiện nhập khẩu trực tiếp cấu thành sản phẩm xuất khẩu hoặc tham gia trực tiếp vào quá trình gia công hàng hóa xuất khẩu nhưng không trực tiếp chuyển hóa thành hàng hóa, bao gồm cả trường hợp bên nhận gia công tự nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, linh kiện để thực hiện hợp đồng gia công;</p> <p>...</p> <p>e) Hàng hóa nhập khẩu để gia công nhưng được phép tiêu hủy tại Việt Nam và thực tế đã tiêu hủy.</p> <p>Trường hợp hàng hóa nhập khẩu để gia công được sử dụng làm quà biếu, quà tặng thì thực hiện miễn thuế theo quy định tại Điều 8 Nghị định này.</p> <p>Hết thời hạn thực hiện hợp đồng gia công, hàng nhập khẩu để gia công không sử dụng phải tái xuất. Trường hợp không tái xuất phải kê khai nộp thuế theo quy định;</p> <p>g) Sản phẩm gia công xuất khẩu.</p> <p>- Căn cứ khoản 3 Điều 34 Nghị định 187/2013/NĐ-CP thì: “Máy móc, thiết bị thuê, mượn theo hợp đồng; nguyên liệu, phụ</p>	

STT	Nội dung vướng mắc	Trao đổi của VBF	Trả lời của TCHQ	Tổng nhất
			<p>liệu, vật tư dư thừa, phế phẩm, phế liệu, phế thải được xử lý theo thỏa thuận của hợp đồng gia công nhưng phải phù hợp với pháp luật Việt Nam”.</p> <p>- Căn cứ quy định tại Điều 64 Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 thì:</p> <p>“2. Các hình thức xử lý</p> <p>Căn cứ quy định của pháp luật Việt Nam và nội dung thoả thuận trong hợp đồng gia công, việc xử lý nguyên liệu, vật tư dư thừa, phế liệu, phế phẩm, máy móc, thiết bị thuê, mượn để gia công được thực hiện như sau:</p> <p>...</p> <p>c) Chuyển sang thực hiện hợp đồng gia công khác tại Việt Nam;</p> <p>...</p> <p>Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp sau khi kết thúc hợp đồng gia công và tiến hành thanh lý hợp đồng gia công, trong hợp đồng gia công hoặc phụ lục hợp đồng gia công có điều khoản thỏa thuận bên đặt gia công đồng ý chuyển tiếp toàn bộ nguyên liệu, vật tư dư thừa, phế liệu, phế phẩm để gia công của hợp đồng gia công cũ sang hợp đồng gia công mới thì nguyên liệu, vật tư dư thừa, phế liệu, phế phẩm, để gia công chuyển tiếp sang hợp đồng gia công mới được miễn thuế nhập khẩu theo quy định tại</p>	

STT	Nội dung vướng mắc	Trao đổi của VBF	Trả lời của TCHQ	Thông nhất
			khoản 1 Điều 10 Nghị định 134/2016/NĐ-CP.	
13.	Doanh nghiệp nội địa làm tổng thầu thực hiện rất nhiều hợp đồng mua sắm vật tư-thiết kế-xây dựng công trình cho các doanh nghiệp chế xuất tại Việt Nam. Các máy móc thiết bị và nguyên vật liệu để xây dựng công trình này được nhập khẩu từ nước ngoài. Chủ đầu tư là người nhập khẩu đứng tên trên tờ khai hải quan và là bên mua trên hợp đồng với nhà cung cấp nước ngoài. Theo hợp đồng, nhà thầu chính sẽ thanh toán cho toàn bộ giá trị hợp đồng. Theo quy định hiện hành, chúng tôi hiểu hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào khu chế xuất và chỉ sử dụng trong khu chế xuất thuộc đối tượng được miễn thuế nhập khẩu. Theo đó máy móc thiết bị và nguyên vật liệu nhập khẩu với mục đích xây dựng công trình cho doanh nghiệp chế xuất như mô tả không thuộc đối tượng phải nộp thuế nhập khẩu và thuế GTGT, không phụ thuộc vào cách thức thanh toán tiền hàng. Kính đề nghị TCHQ xác nhận cách hiểu quy định của chúng tôi.		Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 2 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 thì hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan và chỉ sử dụng trong khu phi thuế quan thuộc đối tượng không chịu thuế nhập khẩu. Căn cứ khoản 20 Điều 5 Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 thì hàng hoá, dịch vụ được mua bán giữa nước ngoài với các khu phi thuế quan và giữa các khu phi thuế quan với nhau thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp hàng hóa từ nước ngoài nhập khẩu vào khu chế xuất và chỉ sử dụng trong khu chế xuất thuộc đối tượng không chịu thuế nhập khẩu, không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT.	Tổng cục Hải quan đã có Công văn số 845/TXNK-CST ngày 6/2/2018 trả lời cho doanh nghiệp.
14.	Vấn đề hoàn thuế của Công ty Bản Phúc Nikel	Hiện nay công ty đã gửi hồ sơ lên, Cục Thuế XNK đang xem xét trả lời trực tiếp tới doanh nghiệp bằng văn bản.	Doanh nghiệp đã làm việc với Tổng cục Hải quan	TCHQ (Cục Thuế XNK) sẽ có văn bản trả lời riêng cho DN